**THỎA THUẬN TIỀN GỬI CÓ KỲ HẠN**

***AGREEMENT ON TERM DEPOSIT***

1. **BÊN GỬI TIỀN/*DEPOSITOR* (“Khách hàng/*Customer*”):[[1]](#footnote-1)**

* **KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN/*INDIVIDUAL CUSTOMER***

Tên đầy đủ/*Full name:* Quốc tịch/Nationality:

Địa chỉ thường trú/Permanent address:

Địa chỉ liên hệ/ *Residential* *Address:*

Điện thoại*/Tel:*

Tình trạng cư trú/ *Resident status:* □Người cư trú/ *Resident* □Người không cư trú/ *Non-resident*

CMND/Thẻ căn cước/Hộ chiếu số/*ID/Passport number:* Ngàycấp/*Issued date*:

Cấp bởi/*Issued by:* Ngày hết hạn/*Expiry date:*

**Người đại diện hợp pháp (nếu có)/ *legal representative (If any):***

Tên đầy đủ/*Full name:*

CMND/Thẻ căn cước/Hộ chiếu số/*ID/Passport number:* Ngàycấp/*Issued date*:

* **KHÁCH HÀNG TỔ CHỨC/*CORPORATE* *CUSTOMER***

Tên đầy đủ/*Full name:*

Tình trạng cư trú/ *Resident status:* □Người cư trú/ *Resident* □Người không cư trú/ *Non-resident*

Địa chỉ đăng ký/*Registered* *Address:*

Địa chỉ giao dịch (nếu có)/ *Correspondence Address (If any):*

Điện thoại*/Tel:* Fax:

Số ĐKKD/ ĐKDN/GPĐT:

*Company registration certificate/ Business registration certificate/ Investment certificate no:*

Đăng ký lần đầu ngày*/ initial registration dated:* cấp bởi/ *issued by:*

Thay đổi lần thứ*/changing registration time:* ………………… ngày*/date: ………………………*

**Người đại diện theo pháp luật/** *Legal representative***:**

Tên đầy đủ/*Full name:*

Chức vụ/*Position:*

Tình trạng cư trú/ *Resident status:* □Người cư trú/ *Resident* □Người không cư trú/ *Non-resident*

CMND/Thẻ căn cước/Hộ chiếu số/*ID/Passport number:* Ngàycấp/*Issued date*:

Cấp bởi/*Issued by:* Ngày hết hạn/*Expiry date:*

**Người được ủy quyền**/*Authorised person:*

Tên đầy đủ/*Full name:* *……………………………………………..*

Tình trạng cư trú/ *Resident status:* □Người cư trú/ *Resident* □Người không cư trú/ *Non-resident*

CMND/ Thẻ căn cước/Hộ chiếu số/*ID/Passport number:* Ngàycấp/*Issued date*:

Cấp bởi/*Issued by:* Ngày hết hạn/*Expiry date:*

Giấy uỷ quyền số*/Power of Attorney (POA) No: ………………….* Ngày/*date: ………………*

1. **BÊN NHẬN TIỀN GỬI/*DEPOSIT RECEIVER* (“Ngân hàng/*the* *Bank*”):**

Tên đầy đủ/*Full name:* **NGÂN HÀNG CHINA CONSTRUCTION BANK CORPORATION -CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH / *CHINA CONSTRUCTION BANK CORPORATION - HO CHI MINH CITY BRANCH* (“CCB HCMC”)**

Địa chỉ đăng ký/ *Registered Address*: Phòng 1105-1106, tầng 11, phòng 1202, tầng 12, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, phường Bến nghé, quận 1, TPHCM, Việt Nam/ *Room1105-1106, 11th floor, room 1202, 12th floor, Sailing Tower, 111A Pasteur street, Ben nghe ward, district 1, Ho Chi Minh city, Vietnam*

**Người đại diện theo pháp luật/** *Legal representative***:**  **Ông/*Mr.* HUANG GUO YONG**

Chức vụ/*Position:* **Tổng Giám đốc/ *General Manager***

1. **NỘI DUNG GỬI TIỀN/*DEPOSIT CONTENT***
2. Số tiền gửi/deposit amount:(Bằng chữ/*In words* : )
3. Loại tiền/*Currency*: □VND □USD
4. Lãi suất/*Interest rate*: (Bằng chữ/*In words*: …)
5. Thời hạn gửi tiền/*Tenor*:
6. Ngày gửi tiền/*Deposit date*: ……/…../……
7. Ngày đến hạn/*Maturity date*: ……/…../……
8. Kỳ tính lãi*/Interest period*: Lãi cuối kỳ/ *At maturity*
9. Phương thức gửi tiền/*Deposit method:* gửi tiền thông qua tài khoản thanh toán của khách hàng/tài khoản thanh toán chung của khách hàng (đối với trường hợp tiền gửi chung có kỳ hạn), cụ thể như sau*/* *make a term deposit via customer’s current account/ joint current account (in case of a joint term deposit):*

* Trích tiền từ tài khoản thanh toán của Khách hàng số/*Debit customer’s current account No*:

mở tại/*opened at* CCB HCMC

* Trích tiền từ tài khoản thanh toán chung của Khách hàng số/*Debit customer’s joint current account No*:

mở tại/*opened at* CCB HCMC[[2]](#footnote-2)

* Nhận tiền từ tài khoản của Khách hàng như sau/*Receiving from customer account as below*:
* Tên tài khoản/*Account name*:
* Số tài khoản/*Account No*.:
* Mở tại/*Opened at*:
* Nội dung/*Content:* Chuyển tiền mở tài khoản tiền gửi có kỳ hạn/*Transfer to open term deposit account*

1. **CHỈ ĐỊNH TÁI TỤC KHOẢN TIỀN GỬI/*DEPOSIT RENEWAL INSTRUCTION***

Phương thức tái tục/*Renewal method*:

□ Không tái tục, Ngân hàng sẽ thanh toán cho Khách hàng theo chỉ định bên dưới/

*No renewal, the Bank shall repay customer as instruction below*

□ Tái tục gốc/Principal renewal

□ Tái tục gốc và lãi/Principal and interest renewal

1. **PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN GỐC VÀ LÃI/*PRINCIPAL AND INTEREST PAYMENT METHOD***

Vào ngày trả vốn và/hoặc lãi, Ngân hàng sẽ thanh toán số vốn gốc và/hoặc lãi cho Khách hàng theo một trong các hình thức sau đây/*On repayment date of principal and/or interest, the Bank shall pay principal and/or interest for custommer as one of below methods*:

* Chuyển khoản vào tài khoản thanh toán như nêu tại phương thức gửi tiền nêu tại mục III (h) /Credit to the current account as mentioned in Section III (h).
* Chuyển khoản vào tài khoản khách hàng số/*Credit to customer account No*.……………………… mở tại/*open at* CCB HCMC.
* Chuyển vào tài khoản của Khách hàng với thông tin như sau *Transfer to customer account as below information:*
* Tên tài khoản/*Account name*: ......................................................
* Số tài khoản/*Account No*.:
* Mở tại/*Opened at*:

1. **PHÍ ÁP DỤNG/*BANK CHARGE***

Các khoản phí phát sinh (nếu có) liên quan đến việc thực hiện đề nghị này được áp dụng theo biểu phí hiện hành của Ngân hàng/*All bank charge (if any) arising to implement this application is bound by prevailing standard tariff of the Bank.*

Phương thức thu phí/*Fee collection method*:

□ Ghi nợ tài khoản của Khách hàng số/*Debit customer account No*.

mở tại/*opened at* CCB HCMC

□ Trích từ tiền lãi (hoặc gốc và lãi) chuyển đi của Khách hàng/*Deduct from interest (or principal and interest) transferred by customer.*

1. **RÚT VỐN GỐC TRƯỚC HẠN/ *PREMATURE WITHDRAWAL***

Khách hàng đề nghị việc rút vốn trước hạn như sau/*Customer request premature withdrawal as followed:*

 □ Khách hàng không được rút vốn trước hạn/*Customer is not allowed to make premature withdrawal.*

 □ Khách hàng được rút trước hạn toàn bộ vốn gốc /*Customer is allowed to make premature withdrawal on total principal amount.*

1. **CAM KẾT CỦA BÊN GỬI TIỀN/*UNDERTAKING OF DEPOSITOR***

* Tôi/Chúng tôi đề nghị mở tài khoản tiền gửi với mẫu chữ ký của tôi/chúng tôi đã đăng ký tại Ngân hàng.

*I/We make application for opening deposit account with my/our speciment signature registered at the Bank.*

* Tôi/Chúng tôi xác nhận những thông tin nêu trên là đúng sự thật, chính xác và cập nhật nhất và sẽ thông báo ngay lập tức cho Ngân hàng nếu có bất kỳ sự thay đổi nào của Thỏa thuận tiền gửi có kỳ hạn này.

*I/We hereby confirm that the information given about is accurate, correct and up-to-date and will immediately inform the bank if I/we have any change on my/our declared information herein.*

* Tôi/Chúng tôi xác nhận đã được ngân hàng cung cấp đầy đủ thông tin về phương pháp tính lãi tiền gửi, mức lãi suất tính lãi và các quy định liên quan đến tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng/ I/We confirmed that *I/We have already received the sufficient information on the interest calculating method, the interest rate and relevant provisions in terms of term deposit at the Bank.*
* Tôi/Chúng tôi đã hiểu và đồng ý tuân thủ Các Điều Kiện và Điều Khoản Chung của Ngân hàng (được Ngân hàng sửa đổi, bổ sung từng thời kỳ) và chấp nhận những khoản tiền gửi và những khoản thanh toán có liên quan phải được điều chỉnh bởi quy định pháp luật Việt Nam và Các Điều Kiện và Điều Khoản Chung của Ngân hàng.

*I/We acknowledge and agree that I/we will be bound by the Bank’s General Terms and Conditions (and its amendments by the Bank from time to time) and accept that these deposits and their payments are governed by the regulations of Vietnam and the Bank’s General Terms and Conditions.*

* Tôi/Chúng tôi đồng ý thêm rằng Các Điều Kiện và Điều Khoản Chung của Ngân hàng (được Ngân hàng sửa đổi, bổ sung từng thời kỳ) cùng với Thỏa thuận tiền gửi có kỳ hạn này và Giấy Chứng nhận Tiền gửi sẽ tạo thành Thỏa thuận tiền gửi có kỳ hạn, có hiệu lực từ ngày gửi tiền, giữa tôi/chúng tôi với Ngân hàng.

*We further agree that the Bank’s General Terms and Conditions (and its amendments by the Bank from time to time) for term deposit account together with this Agreement on term deposit and Deposit Certificate will constitute an Agreement on term deposit, which takes effect from placement date, between me/us and the Bank.*

Người đại diện hợp pháp ký, ghi tên và đóng dấu

*Lawful representative sign and stamp*

Ngày/*Date*:

|  |  |
| --- | --- |
| **DÀNH CHO NGÂN HÀNG/*FOR BANK ONLY*** | |
| Thực hiện bởi/*Processed by:* | Người đại diện hợp pháp ký, ghi tên và đóng dấu  *Lawful representative sign and stamp* |
| Ngày/*Date*: | Ngày/*Date*: |

**CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CHUNG ĐỐI VỚI TÀI KHỎAN TIỀN GỬI CÓ KỲ HẠN**

***GENERAL TERMS AND CONDITIONS ON TERM DEPOSIT ACCOUNTS***

**1. Ngày đến hạn/*Maturity date***

Khi tiền gửi đến hạn vào ngày không phải là Ngày Làm Việc thì ngày đến hạn của khoản tiền gửi sẽ được chuyển sang Ngày Làm Việc tiếp theo. “Ngày Làm Việc” sẽ là bất kỳ ngày nào Ngân hàng mở cửa hoạt động kinh doanh trừ ngày thứ Bảy, Chủ nhật và Ngày nghỉ lễ theo quy định của Việt Nam.

*When a deposit would otherwise mature on a date that is not a Business Day, the maturity date of the deposit will be carried forward to the following Business Day. “Business Day” shall be any day when the bank is open for banking business and shall exclude Saturdays, Sundays and Public Holidays in Vietnam.*

**2. Tái tục/Renewal**

2.1 Lãi suất tái tục: Bằng lãi suất Ngân hàng công bố hoặc lãi suất thỏa thuận cho Kỳ hạn gửi tương ứng tại thời điểm tái tục.

*Renewal interest rate: As interest rate published by the Bank or interest rate applicable for respective deposit tenor at renewal time.*

2.2 Kỳ hạn tái tục: Bằng kỳ hạn ban đầu hoặc chuyển sang kỳ hạn ngắn hơn kế tiếp nếu tại thời điểm tái tục Ngân hàng không huy động loại kỳ hạn mà khách hàng đã gửi trước đó. Trường hợp này Ngân hàng sẽ gửi thông báo đến khách hàng. Khách hàng được quyền thay đổi kỳ hạn tái tục theo thỏa thuận với Ngân hàng hoặc đề nghị rút số dư tiền gửi.

*Renewal tenor: As original tenor or change to the following shorter period if the Bank does not mobilize the tenor type that customer deposit before. In such case, the Bank shall send notification to customer. Customer is entitled to change deposit tenor by negotiating with the Bank or request to withdraw the outstanding balance.*

2.3 Trường hợp Khách hàng không đủ điều kiện để kéo dài thời hạn gửi tiền theo quy định nội bộ của Ngân hàng, vào ngày đến hạn của khoản tiền gửi có kỳ hạn, Ngân hàng được thực hiện chuyển gốc và lãi (nếu có) vào tài khoản thanh toán của khách hàng.*If the conditions for deposit term extension prescribed in this Procedure are not met to customer, on the maturity date of the term deposit, the Bank shall be entitled to transfer the principal and interest (if any) to the current account of the customer.*

**3. Rút tiền gửi trước hạn/*Premature withdrawal***

3.1 Khách Hàng được rút tiền trong Tài Khoản Tiền Gửi có kỳ hạn trước ngày đến hạn nếu có thỏa thuận tại Đơn mở tài khoản tiền gửi có kỳ hạn với điều kiện Khách Hàng gửi cho Ngân Hàng thông báo trước một (1) ngày làm việc. Thời hạn thông báo bắt đầu vào ngày Khách Hàng đề nghị rút tiền.

*In case expressed in Application for opening term deposit account, the Bank may allow the Customer to withdraw the funds in term deposit account before the maturity date provided that the Customer has sent the Bank one (1) day notice in advance. The notice period starts on the day Customer requests withdrawal.*

3.2 Số tiền rút trước hạn này sẽ chỉ được hưởng lãi suất tiền gửi không kỳ hạn của loại tiền tương ứng xác định tại thời điểm rút (cho thời gian thực gửi tính từ thời điểm gửi/tái tục đến thời điểm rút vốn)

*The premature withdrawal amount shall be applied current deposit interest rate of respective currency at the time of withdrawal (for the actual deposit period from the deposit date/renewal date to withdrawal date)*

3.3 Các Điều khoản và Điều Kiện Chung này sẽ được tiếp tục áp dụng đối với bất kỳ số tiền còn lại nào sau khi rút tiền trước ngày đến hạn

*These General Terms and Conditions will continue to be applicable to any remaining amount after premature withdrawal.*

3.4 Trong mọi trường hợp Ngân Hàng sẽ không chịu trách nhiệm cho bất kỳ thiệt hại nào mà Khách Hàng phải gánh chịu do việc rút tiền trước ngày đến hạn nêu trên.

*In no event will the Bank be responsible for any loss which the Customer may suffer consequent to such premature withdrawal*.

**4. Phương pháp tính lãi/ *Interest calculation method***

4.1 Yếu tố tính lãi/ *Interest calculation factors*:

(i) Thời hạn tính lãi: Thời hạn tính lãi được xác định từ ngày nhận tiền gửi đến hết ngày liền kề trước ngày đến hạn khoản tiền gửi (tính ngày đầu, bỏ ngày cuối của thời hạn tính lãi) và thời điểm xác định số dư để tính lãi là cuối mỗi ngày trong thời hạn tính lãi.

*The interest duration is determined from the date of receipt of the deposit until the end of the day immediately preceding the date of full payment for the deposit (including the first day, omitting the last day of the interest duration) and the time to determine the balance for interest calculation is at the end of each day within the interest duration.*

(ii) Số dư thực tế: số dư đầu ngày tính lãi của số dư tiền gửi mà Ngân Hàng còn phải trả cho Khách Hàng được sử dụng để tính lãi theo thỏa thuận và quy định của pháp luật về nhận tiền gửi.

*Actual balance is the deposit balance which is payable by the Bank to Customer at the beginning of the day. This is used to calculate interest according to the agreement between the parties and the applicable laws on receipt of deposits.*

(iii) Số ngày duy trì số dư thực tế: Là số ngày mà số dư thực tế đầu mỗi ngày không thay đổi.

*Number of days allowed for maintaining actual balance is the number of days in which the actual balance at the beginning of the day remains unchanged.*

(iv) Lãi suất tính lãi: Được tính theo tỷ lệ %/năm ; một năm là 365 ngày.

*Interest rate is expressed in % per year Interest rate; a year means 365 days.*

4.2 Công thức tính lãi*/ Interest calculation formula*:

Số tiền lãi của từng kỳ tính lãi được xác định như sau/ *The interest of each interest period is determined as follows*:

- Số tiền lãi của một ngày được tính toán như sau/ *The interest in one day is determined as follows*:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Số tiền lãi ngày = | | Số dư thực tế  x  Lãi suất tính lãi | |
| 365 | |
| *Daily interest =* | *Actual balance x Interest rate* | |
| *365* | |

Số tiền lãi của kỳ tính lãi bằng (=) tổng số tiền lãi ngày của toàn bộ các ngày trong kỳ tính lãi.

*Interest in interest period equals (=) total daily interest of all days in the interest period.*

- Đối với các khoản tiền gửi có thời gian duy trì số dư thực tế nhiều hơn một (01) ngày trong kỳ tính lãi, được sử dụng công thức rút gọn sau để tính lãi:

*If the number of days of maintenance of the actual balance is more than one (01) day in the interest period, the following reduced formula may be used to calculate interest:*

|  |  |
| --- | --- |
| Số tiền lãi = | ∑ ( Số dư thực tế  x  số ngày duy trì số dư thực tế  x  Lãi suất tính lãi) |
| 365 |
| *Interest =* | *∑ (Actual balance x number of days maintaining actual balance x Interest rate)* |
| *365* |

**5. Sử dụng tiền gửi có kỳ hạn làm tài sản bảo đảm/ *Pledging term deposit as collateral***

Tiền gửi có kỳ hạn có thể được sử dụng để làm tài sản bảo đảm theo hướng dẫn của Ngân hàng phù hợp với quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm.

*The term deposit may be pledged as collateral under guidance of the Bank and laws and regulations on secured transactions.*

Khách hàng có thể cầm cố khoản tiền gửi có kỳ hạn để thực hiện khoản cấp tín dụng tại Ngân hàng nếu đáp ứng được các điều kiện về cấp tín dụng do Ngân hàng quy định.

*Customer can pledge term deposit to conduct credit facility at the Bank if meeting requirements on grating credit facility as prescribed by the Bank.*

Trường hợp khách hàng cầm cố khoản tiền gửi có kỳ hạn tại tổ chức tín dụng khác (TCTD), Ngân hàng có thể xem xét thực hiện phong tỏa và cấp xác nhận đã phong tỏa tài khoản tiền gửi của khách hàng cho TCTD đó theo đề nghị của TCTD.

*In case customer pledges term deposit at other credit institution, the bank may consider blocking such deposit account and issue confirmation of blocking deposit account of customer as request of that credit institution.*

**6. Chuyển giao quyền sở hữu tiền gửi có kỳ hạn/ *Transfer of ownership of term deposit***

Trừ trường hợp chuyển giao quyền sở hữu theo thừa kế, đối tượng được nhận chuyển giao tiền gửi có kỳ hạn phải là tổ chức, cá nhân là người cư trú hoặc tổ chức, cá nhân là người không cư trú phù hợp điều kiện quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

*Except for transfer of ownership under inheritance, the beneficiary of savings deposit entity or individual being resident and entity or individual being non-resident that meets condition as stipulated by the State Bank of Vietnam.*

Việc chuyển nhượng quyền sở hữu tiền gửi có kỳ hạn được thực hiện theo các quy định pháp luật có liên quan.

*The transfer of ownership of term deposit is conducted in accordance with relevant regulation.*

**7. Xử lý trong trường hợp tài khoản thanh toán của khách hàng bị phong tỏa, đóng, tạm khóa và các trường hợp thay đổi tình trạng tài khoản thanh toán của khách hàng/** ***Actions taken in a case where the customer’s checking account is frozen, closed, temporarily locked and the checking account’s status is changed***

Trường hợp vào ngày trả lãi hoặc ngày đến hạn của tài khoản tiền gửi có kỳ hạn hoặc ngày khách hàng yêu cầu rút vốn mà tài khoản thanh toán khách hàng chỉ định để nhận lãi và/hoặc gốc bị phong tỏa, đóng, tạm khóa hoặc thay đổi tình trạng, Ngân hàng sẽ thực hiện thông báo đến khách hàng đồng thời giữ hộ khoản tiền đó cho đến khi nhận được chỉ thị từ khách hàng. Số tiền Ngân hàng giữ hộ đó sẽ được áp dụng lãi suất không kỳ hạn tương ứng cho thời gian giữ hộ thực tế.

*In case on interest payment date or maturity date of term deposit or withdrawal date requested by customer that payment account customer designated to receive interest and/or principal is frozen, closed, temporarily blocked or change status, the Bank shall inform customer and hold in trust that amount until receiving instruction from customer. Such amount held by the Bank shall be applied respective current deposit interest rate for the actual holding period.*

**8. Biện pháp để khách hàng tra cứu khoản tiền gửi có kỳ hạn/** ***Method of access to term deposit account***

Khách hàng có thể tra cứu các thông tin liên quan đến khoản tiền gửi có kỳ hạn thông qua đường dây nóng: 028.38270315. Sau khi nhân viên giao dịch xác thực các thông tin về khách hàng, sẽ giải đáp các thông tin cho khách hàng, cuộc hội thoại sẽ được ghi âm.

*Customers can look up information related to term deposits via hotline: 028.38270315. After the teller verifies the information about the customer, will answer the information to the customer, the conversation will be recorded to ensure service quality.*

**9. Xử lý đối với các trường hợp nhàu nát, rách, mất Giấy chứng nhận tiền gửi có kỳ hạn/*****Actions against the case where the term deposit certificate is crumpled, torn, or lost***

* 1. Xử lý đối với trường hợp nhàu nát, rách Giấy chứng nhận tiền gửi có kỳ hạn:

*Handling for crumpled, torn cases of Term deposit certificate:*

* Trường hợp nhàu nát, rách nhưng vẫn đảm bảo nội dung của chứng, Ngân hàng sẽ chấp nhận làm thủ tục cho khách hàng rút tiền hoặc cấp lại giấy chứng nhận tiền gửi mới.

*The case is crumpled, torn but still ensuring the content of the certificate, the Bank will accept the procedure for customers to withdraw money or reissue a new certificate of deposit.*

* Trường hợp nhàu nát, rách không thể nhìn thấy được các nội dung chứng từ ngân hàng, Ngân hàng sẽ tiến hành xử lý như trường hợp mất Giấy chứng nhận tiền gửi có kỳ hạn.

*In case of crumbling or tearing, it is impossible to see the contents of the bank certificate, it will proceed by the Bank as in case of losing Term Deposit Certificate.*

* 1. Xử lý đối với trường hợp mất Giấy chứng nhận tiền gửi có kỳ hạn

*Handling in case of losing Term Deposit Certificate*

- Thông báo mất giấy chứng nhận tiền gửi có kỳ hạn: khách hàng lập Giấy báo mất Giấy chứng nhận tiền gửi có kỳ hạn theo mẫu quy định của Ngân hàng. Chữ ký của khách hàng trên giấy báo mất giấy chứng nhận tiền gửi có kỳ hạn phải đúng với chữ ký mẫu đã đăng ký.

*Notice of losing term deposit certificate: customers prepare a notice on losing of term deposit certificate according to the Bank's prescribed form. Customer's signature on the notice on losing of term deposit certificate must be in accordance with the registered sample signature.*

* Sau khi kiểm tra CMND/hộ chiếu hoặc giấy tờ chứng thực cá nhân tương đương, nhận diện khách hàng, kiểm tra các yếu tố trên giấy báo mất giấy chứng nhận tiền gửi có kỳ hạn, nếu giấy chứng nhận tiền gửi có kỳ hạn báo mất chưa tất toán và không ở trong tình trạng bị phong toả, ngân hàng sẽ chấp nhận làm thủ tục cho khách hàng rút tiền hoặc cấp lại giấy chứng nhận tiền gửi mới cho khách hàng để khách hàng rút tiền sau đó.

*After checking ID card / passport or equivalent personal identification papers, identifying customers, checking the elements on the passbook of term deposit certificate, if the details of lost deposit certificate showing its status of not yet being finalized and not being blocked, the bank will accept procedures for customers to withdraw money or re-issue new deposit certificates for customers to withdraw money later.*

* Sau 3 ngày làm việc kể từ ngày nhận báo mất giấy chứng nhận tiền gửi có kỳ hạn, nếu không có tranh chấp, khiếu kiện gì, khách hàng sẽ được Ngân hàng cấp giấy chứng nhận tiền gửi có kỳ hạn mới thay thế cho seri trên sổ đã mất và có quyền rút tiền trên giấy chứng nhận tiền gửi có kỳ hạn đã báo mất.

*After 3 working days from the date of receiving notice of term deposit certificate, if there is no dispute or complaint, customer will be issued a new one by the Bank. New term deposit certificates replace the series on lost books and have the right to withdraw money on term deposits account that was lost certificate.*

* Trường hợp giấy chứng nhận tiền gửi có kỳ hạn đồng chủ sở hữu, cả 2 đồng chủ sở hữu tiền gửi tiết kiệm phải đến làm thủ tục rút tiền hoặc 1 trong 2 người thực hiện theo uỷ quyền của đồng chủ sở hữu còn lại, trừ khi các bên đã có thoả thuận cụ thể trong bản cam kết về đồng chủ sở hữu.

In case the certificate of term deposit is co-owner, both co-owners of term deposit must come to conduct procedure of withdrawing money or 1 in 2 people who are authorized by co-owner remaining property, unless the parties have a specific agreement in the co-ownership commitment.

*-* Khi rút tiền, khách hàng xuất trình giấy chứng nhận tiền gửi có kỳ hạn mới đã được cấp và thực hiện các thủ tục rút tiền theo quy định của Ngân hàng.

*When withdrawing money, the customer presents newly issued deposit certificate and carries out the withdrawal procedures as regulated by the Bank.*

**10. Quyền và nghĩa vụ của Khách hàng, Ngân hàng/*Right and obligation of Customer, the Bank***

* 1. Quyền và nghĩa vụ của khách hàng/*Rights and obligations of customer*

10.1.1 Quyền của Khách hàng/*Rights of customer*

* + - * 1. Được hưởng lãi tiền gửi theo lãi suất thoả thuận với Ngân hàng theo Thỏa thuận này kể từ ngày Ngân hàng thực tế nhận được số tiền gửi từ khách hàng/Entitled to receive interest as interest rate agree with the Bank in this Agreement the actual date the Bank receive deposit amount from *customer*.
        2. Được yêu cầu Ngân hàng thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản lãi, gốc đến hạn theo quy định tại Thỏa thuận này/*Entitled to require the Bank to repay interest, principal at maturity date sufficiently according to this Agreement.*
        3. Được sử dụng khoản tiền gửi theo thỏa thuận tiền gửi này làm tài sản đảm bảo cho nghĩa vụ của mình và/hoặc nghĩa vụ của Bên thứ ba tại Ngân hàng hoặc tại tổ chức tín dụng khác/Entitled to use deposit amount as agreement to make security for their obligation or/and third party’s obligation at the Bank or at other credit institution.
    1. Nghĩa vụ của Khách hàng/*Obligation of customer*:
       - 1. Chuyển cho Ngân hàng Số tiền gửi đúng thời gian đề cập tại Thỏa thuận này/*Remit deposit amount to the bank as the time mentioned in this Agreement*;
         2. Chịu trách nhiệm về tính hợp pháp và các vấn đề liên quan khác đến nguồn gốc Số tiền gửi/*Responsible for the legality and related matter regarding to source of deposit amount*;
         3. Chịu trách nhiệm giải quyết tất cả các vấn đề tranh chấp, khiếu kiện, khiếu nại liên quan đến Số tiền gửi tại Ngân hàng/*Responsible for solving all dispute, petition, complaint in relation to deposit amount at the Bank*.
  1. Quyền và Nghĩa vụ của Ngân hàng/ *Rights and obligations of the Bank*

10.2.1 Quyền của Ngân hàng/*Rights of the Bank*:

1. Được yêu cầu Khách hàng chuyển tiền theo đúng thời gian đã thoả thuận trong Thỏa thuận này/ *Entitled to request customer to remit deposit on due time as agreed in* this Agreement*;*
2. Không chịu trách nhiệm về việc xác định tính hợp pháp và các vấn đề liên quan khác đến nguồn gốc Số tiền gửi của Khách hàng/*Not responsible for determining the legality and related matter regarding to source of deposit amount*.
3. Yêu cầu Khách hàng giải quyết tất cả các vấn đề tranh chấp, khiếu kiện, khiếu nại liên quan đến Số tiền gửi của Khách hàng/ *Request customer to resolve all dispute, petition, complaint regarding to source of deposit amount of customer*.
   * 1. Nghĩa vụ của Ngân hàng/ *Obligations of the Bank*:
4. Thanh toán đầy đủ, đúng hạn Số tiền gửi (cả gốc, lãi phát sinh) khi đến hạn cho Khách hàng theo quy định tại Thỏa thuận này/ *Repay deposit amount (including principal, arising interest) sufficiently and in timely maner on maturity date for customer as agreed in*this Agreement.
5. Tạo điều kiện thuận lợi cho Khách hàng khi Khách hàng có nhu cầu sử dụng Số tiền gửi theo Đơn đề nghị làm tài sản đảm bảo/*Facilitate customer when customer have demand to use deposit amount in Application to make security*.
6. Bảo đảm bí mật thông tin, từ chối việc điều tra phong toả, cầm giữ, trích chuyển tiền gửi mà không có sự đồng ý của Khách hàng, trừ trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu và/hoặc trường hợp pháp luật có quy định khác/*Ensure information confidentiality, reject investigation for freezing, blocking, debitting deposit without customer’s consent, except the case required by local competent authority and/or stipulated by regulation*.

**11. Chia sẻ thông tin/*Information sharing***

Khách hàng đồng ý rằng Ngân hàng có thể (khi cần thiết) chuyển giao và tiết lộ bất kỳ thông tin Khách hàng nào cho các đối tượng nhận thông tin sau đây bất kể nơi đặt văn phòng của các đối tượng nêu trên (là những người cũng có quyền xử lý, chuyển giao và tiết lộ thông tin Khách hàng đó với điều kiện là các đối tượng nhận thông tin phải tuân thủ các quy định về bảo mật đối với thông tin do CCB HCMC cung cấp):

*Customer agrees that CCB HCMC may (as necessary) transfer and disclose any Customer information to the following recipients wherever located, (who may also process, transfer and disclose such Customer information provided that the recipients must strictly keep confidential such information provided by CCB HCMC):*

i) bất kỳ thành viên nào thuộc Nhóm CCB/ *any member of the CCB Group*;

ii) bất kỳ nhà thầu, đại lý, bên cung cấp dịch vụ, hoặc các bên liên kết của Nhóm CCB (bao gồm cả các nhân viên, giám đốc và viên chức của họ)/ *any sub-contractors, agents, service providers, or associates of the CCB Group (including their employees, directors and officers)* ;

iii) để đáp ứng bất kỳ yêu cầu nào của Cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật, theo các hiệp ước, cam kết quốc tế mà CCB HCMC phải tuân thủ/ *in response to any requests from any Authorities in accordance with the laws, international treaties and conventions for that CCB HCMC must to comply*;

iv) bất kỳ người nào hành động nhân danh Khách hàng, bên nhận thanh toán, bên thụ hưởng, người được chỉ định liên quan đến tài khoản, các ngân hàng trung gian, ngân hàng xác nhận và ngân hàng đại lý, trung tâm thanh toán bù trừ, hệ thống thanh toán hoặc hệ thống bù trừ, bên đối tác trên thị trường, đơn vị tạm thu, hệ thống hoán đổi hoặc đăng ký giao dịch/ *anyone acting on behalf of the Customer, payment recipients, beneficiaries, account nominees, intermediary, correspondent and agent banks, clearing houses, clearing or settlement systems, market counterparties, upstream withholding agents, swap or trade repositories*;

v) bất kỳ bên nào được hưởng lợi hoặc chịu rủi ro từ hoặc có liên quan đến tiền gửi có kỳ hạn / *any party acquiring an interest in or assuming risk in or in connection with the term deposit*;

vi) các tổ chức tín dụng khác, tổ chức cung cấp thông tin tín dụng hoặc cơ quan quản lý tín dụng, để yêu cầu hoặc để cung cấp các thông tin tín dụng theo quy định của pháp luật/ *other financial institutions, credit reference agencies or credit bureaus, for obtaining or providing credit references in accordance with the laws*;

vii) bất kỳ bên môi giới nào mà CCB HCMC giới thiệu// *any third party fund manager who provides asset management services to the Customer*;

viii) có liên quan đến bất kỳ giao dịch chuyển giao, định đoạt, sáp nhập hoặc mua bán nào đối với hoạt động kinh doanh của CCB HCMC; và/ *in connection with any CCB HCMC business transfer, disposal, merger or acquisition; and*

ix) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật hoặc được sự đồng ý của Khách hàng / *Other circumstances that the Customer consent to.*

**12. Hiệu lực của thỏa thuận/*Effectiveness of agreement***

* Các giao dịch bằng ngoại tệ được thực hiện theo quy định của Pháp luật Việt Nam về quản lý ngoại hối/*Transaction in foreign currency is conducted in accordance with Vietnam’s regulation on foreign exchange*.
* Bất kỳ tranh chấp nào phát sinh mà hai bên không thể giải quyết được bằng thương lượng thì tranh chấp sẽ được đưa ra giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền của Việt Nam theo pháp luật Việt Nam/*Any dispute that two parties can not resolve by negotiation will be submit to competent court of Vietnam in accordance with Vietnam’s regulation*.
* Các Bên xác nhận rằng giao dịch này là hoàn toàn tự nguyện, không giả tạo, không bị ép buộc, lừa dối, đe dọa, nhầm lẫn/ *Both parties confirm that this transaction is entirely volutary, not falsified, forced, defrauded, threatened, confused*.
  + - * Trường hợp một trong các bên vi phạm nghĩa vụ quy định tại thỏa thuận này gây thiệt hại cho bên kia thì phải chịu trách nhiệm bồi thường tất cả các thiệt hại trực tiếp và/hoặc gián tiếp phát sinh cho Bên bị thiệt hại/*In case one party violates obligation in this agreement which cause loss for the other, that party will be responsible for compensation of direct and/or indirect loss suffered by other party.*
* Thỏa thuận gửi tiền có kỳ hạn được chấm dứt trong các trường hợp sau/*Agreement on term deposit is invalid in the following cases*:

1. Các khoản tiền gửi được tất toán, tài khoản tiền gửi được đóng/ *All deposit is finalized, deposit account is closed*.
2. Một trong các bên bị giải thể, phá sản hoặc bị chấm dứt hoạt động theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền/*One party dissolves, bankrupts or is terminated by decision of competent authority*.

1. Đối với tiền gửi chung có kỳ hạn: Nhân viên nghiệp vụ ngân hàng thêm dòng thông tin của tất cả khách hàng sở hữu chung khoản tiền gửi có kỳ hạn [↑](#footnote-ref-1)
2. Bắt buộc chọn đối với trường hợp tiền gửi chung có kỳ hạn [↑](#footnote-ref-2)